

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T1
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2019/HNGĐ-ST

Ngày 24/10/2019

(V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa
anh T và chị G)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Cúc.
2. Bà Phan Thị Hạnh Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 tham gia phiên tòa:

Bà Đoàn Thị Sớm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số .../2019/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Xuân T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn ĐH, xã TN, huyện T1, tỉnh Thái Bình (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Bùi Thị G, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn ĐH, xã TN, huyện T1, tỉnh Thái Bình (vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Trần Xuân T trình bày:

Anh và chị Bùi Thị G, sinh năm 1977, có địa chỉ tại thôn ĐH, xã TN, huyện T1, tỉnh Thái Bình tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào ngày 14/12/1999 được Ủy ban nhân dân xã TN, huyện T1, tỉnh Thái Bình chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh chị đã sống ly thân khoảng 15 năm nay. Nay xác định tình cảm không còn, không thể quay về chung sống và đoàn tụ được nữa, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị Bùi Thị G.

Về con chung, anh và chị Bùi Thị G có 02 con chung là Trần TA, sinh ngày 12/6/2000 và Trần MĐ, sinh ngày 25/9/2001, hiện tại hai con Trần TA và Trần MĐ đã trưởng thành, đang sinh sống và làm việc tại thành phố HN, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi cho chị Bùi Thị G thông báo thụ lý, thông báo đến phiên công khai chứng cứ và hòa giải tuy nhiên chị G không đến Tòa án.

Ngày 12/9/2019, tại gia đình bà Vũ Thị Y (là mẹ đẻ anh T), sinh năm 1953, trú tại Thôn ĐH, xã TN, huyện T1, tỉnh Thái Bình, Tòa án nhân dân huyện T1 đã gặp chị Bùi Thị G, Tòa án đã trực tiếp tổng đạt cho chị G thông báo thụ lý vụ án, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và ghi lời khai của chị G. Chị G không nhận các văn bản của Tòa án và trình bày: Về việc ly hôn chị G không ký đơn, việc này để anh T tự giải quyết. Tòa án đã lập biên bản giao văn bản tố tụng, chị G không ký biên bản, biên bản có sự chứng kiến của Công an xã TN.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/9/2019, tại gia đình bà Vũ Thị Y (là mẹ đẻ anh T), sinh năm 1953, trú tại Thôn ĐH, xã TN, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Bà Y cho biết:

Bà là mẹ đẻ anh Trần Xuân T. Bà có tổ chức cưới hỏi cho anh T và chị G, anh chị có hai con chung. Đến năm 2005 thì anh T và chị G không ở cùng nhau nữa, mâu thuẫn cụ thể bà không nắm được. Gia đình cũng đã nhiều lần khuyên nhủ để anh chị đoàn tụ nhưng không được. Anh T làm đơn ly hôn chị G, bà cũng mong anh chị đoàn tụ nhưng nếu không thể sống chung cùng nhau thì bà cũng mong Tòa án giải quyết ly hôn để cho anh chị xây dựng cuộc sống mới. Bà Y không có ý kiến gì khác. Biên bản có sự chứng kiến của Công an xã TN.

Ngày 02/10/2019, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa anh T và chị G. Anh T đến phiên tòa, chị G vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, phiên tòa được mở lại vào ngày 24/10/2019.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho anh Trần Xuân T được ly hôn chị Bùi Thị G. Về con chung, do hai con chung của anh T và chị G đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả giải quyết tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là anh Trần Xuân T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là chị Bùi Thị G vắng mặt lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T và chị G.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Xuân T và chị Bùi Thị G kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ yêu cầu giải quyết ly hôn của anh T cung cấp phù hợp với các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án nên xác định: Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh chị đã sống ly thân khoảng 15 năm nay. Anh T có đơn xin ly hôn chị G, Tòa án đã ra thông báo thụ lý, thông báo đến tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, chị G không đến Tòa án; ngày 12/9/2019 Tòa án đã tổng đạt trực tiếp văn bản tố tụng cho chị G, chị G không nhận và có ý kiến chị không ký đơn ly hôn, việc này để anh T tự giải quyết, chị G không đồng ý ly hôn song chị không có ý kiến gì về quan hệ hôn nhân, chị cũng không đưa ra được phương án để vợ chồng về đoàn tụ, chung sống hạnh phúc. Chị G không đến tham gia phiên tòa lần thứ nhất, anh T đến phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên xét xử lần thứ hai và giữ nguyên quan điểm xin ly hôn chị G. Như vậy có thể thấy tình cảm vợ chồng của anh T và chị G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho anh Trần Xuân T được ly hôn chị Bùi Thị G.

[3] Về con chung: Anh T và chị G có 02 con chung là Trần TA, sinh ngày 12/6/2000 và Trần MĐ, sinh ngày 25/9/2001, hiện tại hai con Trần TA và Trần MĐ đã trưởng thành, đang sinh sống và làm việc tại thành phố HN, anh T không yêu cầu giải quyết, chị G không có quan điểm nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Trần Xuân T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội **về án phí và lệ phí tòa án:**

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho anh Trần Xuân T được ly hôn chị Bùi Thị G.

2. Về con chung:

Không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

Nguyên đơn là anh Trần Xuân T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí anh T đã nộp theo Biên lai số 0009221 ngày 09/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh Thái Bình. Anh Trần Xuân T đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- UBND xã TN, huyện T1;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đông Ngọc Huyền